Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 27.11.2020 11:15:48 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14498/BC-UBND	*Đồng Nai, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO
Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh đồng nai 03 năm (2021 - 2023)

PHẦN THỨ NHẤT
Tình hình kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2020

I. Tình hình kinh tế - xã hội:

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa VIII về mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 05 năm 2016 - 2020, là năm thứ tư của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020, nên có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ tỉnh, Nghị quyết HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh của cả giai đoạn năm 2017 - 2020. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta nói chung và kinh tế tỉnh Đồng Nai nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, chịu ảnh hưởng do diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực; các cân đối vĩ mô duy trì ổn định nhưng chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu và tốc độ tăng trưởng một số ngành thấp hơn kỳ vọng.

Nhiệm vụ NSNN năm 2020 được triển khai thực hiện trong bối cảnh kinh tế thế giới bị tác động mạnh do đại dịch Covid-19 và cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ - Trung đã tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhất là đối với các ngành du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống; số lượng doanh nghiệp phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô tăng; thu nhập của người lao động giảm sút mạnh, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm tăng nhanh, kéo theo các hệ lụy về mặt xã hội cần phải xử lý khẩn trương và đồng bộ... Tình hình thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của HĐND, cùng với sự phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, sự đoàn kết, đồng lòng của cộng

đồng doanh nghiệp và nhân dân; sau 2 đợt bùng phát của đại dịch Covid-19, đến nay tình hình dịch bệnh đã cơ bản được kiểm soát, tình hình kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng tỉnh Đồng Nai năm 2020 tiếp tục được giữ vững, ổn định và phát triển, các mục tiêu kinh tế - xã hội phần lớn đều đạt và vượt so với kế hoạch [1].

II. Tình hình tài chính - ngân sách nhà nước:

Năm 2020 là năm thứ tư của chu kỳ ngân sách 2017 - 2020 với tỷ lệ điều tiết ngân sách địa phương các khoản thu phân chia giảm từ 51% xuống 47% và giảm các khoản hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương khi ban hành chính sách mới từ 50% xuống 30%. Là năm ngân sách tiếp theo gặp khó khăn về thu ngân sách, cân đối ngân sách.

Để đảm bảo cân đối ngân sách năm 2020, đảm bảo ngân sách để thực hiện các chính sách chế độ, nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh. UBND tỉnh đã theo sát, chỉ đạo các ngành các cấp quyết liệt thực hiện các biện pháp: Cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi; đẩy mạnh rà soát, chống thất thu thuế, nợ đọng thuế, khai thác các nguồn thu có thể... tăng thu ngân sách; tham mưu HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Bằng sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, sự nỗ lực các ngành, các cấp, cân đối ngân sách được đảm bảo, đảm bảo ngân sách thực hiện các chính sách chế độ, nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh. Cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước.

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 54.203.705 triệu đồng.

Đạt 102% dự toán giao đầu năm và bằng 98% so với cùng kỳ năm 2019 (55.387.751 triệu đồng).

Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 40.103.705 triệu đồng.

Đạt 113% dự toán giao đầu năm và bằng 89% so với cùng kỳ năm 2019 (38.081.102 triệu đồng). Trong đó: thu từ Xổ số kiến thiết là 1.650.000 triệu đồng; thu từ tiền sử dụng đất là 5.848.871 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 14.100.000 triệu đồng.

Đạt 81% dự toán giao đầu năm và bằng 82% so với cùng kỳ năm 2019 (17.163.850 triệu đồng).

*** Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách và đạt thấp so với dự toán:**

[1] 24/28 chỉ tiêu kế hoạch đạt và vượt so với mục tiêu đề ra

- Do ảnh hưởng chung của dịch Covid 19 nên đã làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: dệt may (nhập khẩu vải sợi), sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, sản xuất giày dép, plastic, linh kiện điện tử. Nguyên nhân là do các công ty này chủ yếu mua vật liệu từ Trung Quốc và một số công ty có bán hàng sang Trung Quốc nên đã ảnh hưởng đến số thực hiện thu ngân sách của tỉnh. Bênh cạnh đó, tác động của dịch bệnh nên thị trường xuất, nhập khẩu bị thu hẹp, nhiều doanh nghiệp sản xuất cầm chừng do không đủ nguyên vật liệu để sản xuất (không nhập được từ nước ngoài, trong khi nguyên vật liệu dự trữ đã hết), thị trường tiêu thụ bị thu hẹp do không xuất khẩu được hàng hóa, sức mua thị trường nội địa giảm từ đó dẫn đến doanh thu của các doanh nghiệp giảm mạnh so cùng kỳ nên số nộp NSNN đạt thấp.

- Do tình hình chính trị thương mại Mỹ - Trung gia tăng cùng những tác động kém tích cực khác từ kinh tế thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dẫn đến số thu thuế từ các Công ty nhập khẩu giảm mạnh.

- Bên cạnh đó, việc Trung ương ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất để hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sản xuất được gia hạn thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN kể từ tháng 3 nên đã ảnh hưởng lớn đến công tác thu ngân sách; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ Trong đó giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký xe ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020; Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân từ đó đã ảnh hưởng rất lớn đến số thu của ngân sách trên toàn địa bàn tỉnh.

- Ngoài ra, diễn biến của đại dịch Covid-19 kéo dài và lan rộng hầu hết các quốc gia trên thế giới; hầu hết các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU,… đều thực hiện các biện pháp giãn cách, cách ly, phong tỏa dẫn tới các nhà máy có giao thương với doanh nghiệp tại Việt Nam đều ngừng hoạt động và đóng cửa dẫn đến các hoạt động liên quan tới các cơ quan, tổ chức ở

nước ngoài đều tạm ngưng và đình trệ. Do đó kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn có nguồn hàng hóa xuất nhập khẩu với các quốc gia và vùng lãnh thổ này đều giảm mạnh.

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định WTO, CEPT/AFTA,...làm giảm số thu năm 2020.

2. Chi ngân sách địa phương:

Ước tổng chi ngân sách địa phương: 20.746.727 triệu đồng.

Đạt 93% dự toán đầu năm và tăng 06% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 7.039.069 triệu đồng.

Đạt 94% dự toán đầu năm và tăng 02% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 12.459.000 triệu đồng.

Đạt 92% dự toán đầu năm và bằng 99% so với cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.
- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 450.000 triệu đồng.

a) Đánh giá chi đầu tư phát triển:

- Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2020 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng.

* Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn sau:

- Trong quá trình triển khai thực hiện một số dự án thực hiện giải phóng mặt bằng chậm, thực hiện thi công chậm so với tiến độ phê duyệt hoặc có tiến độ giải ngân chậm.

- Nhiều dự án khởi công mới chậm có kết quả đấu thầu xây lắp được duyệt để triển khai do phải thực hiện các bước thủ tục theo quy định mới của Luật Đầu tư công.

- Tiến độ thực hiện giải ngân của một số dự án còn chậm.

- Việc hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế, hồ sơ đấu thầu của một số đơn vị chủ đầu tư thực hiện còn chậm.

Nguyên nhân khách quan:

- Vào mùa mưa tiến độ thi công các công trình, dự án bị ảnh hưởng, đình trệ không thể thực hiện dẫn đến không có khối lượng để thanh toán giải ngân vốn đầu tư.

- Phương thức giải ngân vốn đầu tư công cơ bản khác so với giải ngân vốn thường xuyên, phải có khối lượng mới có thể làm thủ tục thanh toán với kho bạc nhà nước, không thường xuyên, không định kỳ như chi thường xuyên. Riêng một số dự án khởi công mới (kể cả mua sắm thiết bị) thường giải ngân vào cuối năm, những tháng đầu năm tập trung công tác hoàn chỉnh hồ sơ để tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Trong quá trình thực hiện còn có một số hộ dân chưa đồng ý bàn giao mặt bằng, không cho thực hiện công tác kiểm đếm và khiếu kiện trong công tác bồi thường. Có trường hợp đến nay vẫn chưa hoàn chỉnh thủ tục giao đất để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công do vướng thủ tục pháp lý liên quan, mặc dù đã có kết quả trúng thầu; quy trình thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tốn rất nhiều thời gian từ khâu ban hành kế hoạch thu hồi đất, xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường ... đến công khai phương án bồi thường và tổ chức chi trả tiền cho người dân.

- Do chuyển đổi chủ đầu tư, một số dự án phải có quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường mới phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công theo quy định, do quan ngại của nhà tài trợ về vấn đề Dioxin nên chưa thể ký kết hợp đồng vay lại, vướng thủ tục nguồn vốn đầu tư từ nguồn vay vốn sang vốn đầu tư công nên chưa triển khai bước tiếp theo (dự án Trung tâm chiếu xạ).

Nguyên nhân chủ quan:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư chưa quyết liệt trong việc đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công công trình và lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán; và việc hoàn chỉnh hồ sơ để tổ chức đấu thầu thi công công trình còn chậm.

- Việc triển khai của các địa phương trong công tác bồi thường còn chậm và chưa quyết liệt trong việc triển khai công tác bồi thường. Cụ thể một số dự án đã giao kế hoạch để thực hiện trong năm 2018 đến nay vẫn chưa thực hiện hoàn thành công tác bồi thường và một số dự án đã giao kế hoạch từ đầu năm tuy nhiên đến nay mới triển khai công tác đo vẽ, kiểm đếm.

- Năng lực đơn vị tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình còn hạn chế nên trong quá trình thực hiện phải điều

chỉnh, thiết kế bổ sung, việc hoàn chỉnh thủ tục điều chỉnh mất nhiều thời gian và trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc triển khai lập hồ sơ chủ trương đầu tư, dự án đầu tư chưa sát với thực tế, chưa tính toán đầy đủ giá trị bồi thường nên phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi. Chủ đầu tư chưa đôn đốc tiến độ thực hiện và chưa rà soát kỹ mặt bằng thi công bị vướng đường dây cao thế phải ngừng thi công một thời gian.

- Việc triển khai hồ sơ chậm của một số đơn vị chủ đầu tư nên một số dự án vẫn chưa hoàn thành hồ sơ để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

b) Đánh giá chi thường xuyên:

Về chi thường xuyên trong năm 2020 về cơ bản vẫn đáp ứng kịp thời kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức.

Các lĩnh vực chi được ước tính trên cơ sở theo nhu cầu thực tế của từng ngành, từng địa phương phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 4.600.000 triệu đồng đạt 86% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí hỗ trợ miễn giảm cho học sinh học nghề theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, kinh phí sửa chữa các trường, kinh phí đề án sữa học đường, kinh phí đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị trường học; kinh phí đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên và cán bộ quản lý, kinh phí thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực,…

- Chi sự nghiệp y tế: 1.060.000 triệu đồng đạt 88% so với dự toán đầu năm. Cơ bản đảm bảo kinh phí thực hiện tốt công tác như: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống HIV/AIDS, Kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trợ cấp, hỗ trợ nhân viên ngành y tế,..

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 50.000 triệu đồng đạt 45% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình khoa học và công nghệ. Tuy nhiên việc thực hiện các nhiệm vụ chi trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã tác động đến tình hình thực hiện và bên cạnh đó một số dự án vẫn chưa được triển khai thực hiện nên tiến độ giải ngân đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi lĩnh vực văn hóa thông tin: 150.000 triệu đồng, đạt 91% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi cho các ngày lễ lớn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Kinh phí cải tạo sửa chữa các hạng mục di tích tại Khu Ủy Miền đông; Kinh phí thực hiện Dự án xây dựng phần mềm quản lý ngành văn hóa, thể thao và du lịch; Kinh phí phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025),…

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 890.000 triệu đồng đạt 86% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP, kinh phí cho vay hộ cận nghèo và cho vay hỗ trợ tạo việc làm; Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu hệ thống trợ giúp xã hội; kinh phí thực hiện Nghị định 26/2017/NĐ-CP,…

- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.850.000 triệu đồng đạt 108% so với dự toán đầu năm. Trong sự nghiệp kinh tế, tỉnh đã tập trung đảm bảo các nhiệm chi phát triển nông nghiệp nông thôn, chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; kinh phí thực hiện dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm; kinh phí đầu tư các thiết bị an toàn giao thông khắc phục điểm đen; Kinh phí thực hiện nạo vét khơi thông dòng chảy lòng suối, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh huyện, kinh phí thực hiện các dự án của sự nghiệp đất đai - tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản,....

- Chi sự nghiệp môi trường: 465.000 triệu đồng, đạt 61% dự toán đầu năm. Trong đó chủ yếu thực hiện nhiệm vụ các dự án, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, kinh phí xử lý rác,....

- Chi quản lý hành chính: 2.100.000 triệu đồng đạt 104% dự toán đầu năm. Trong đó cơ bản đảm bảo đủ để thực hiện chi lương mức tiền lương tối thiểu, đảm bảo định mức chi hoạt động cho các đối tượng là cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách, trưởng các đoàn thể theo Nghị quyết số 77, 78/2017/NQ-HĐND ngày 7/7/2017 của HĐND tỉnh,…

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách địa phương năm 2020 vẫn đảm bảo các nhiệm vụ chi về chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách và người lao động. Trong quá trình điều hành ngân sách vẫn còn một số sự nghiệp chi có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao nguyên nhân chủ yếu là do trong năm một số dự án vẫn chưa được triển khai thực hiện, một số dự án khác mặc dù đã

triển khai nhưng do các yếu tố khách quan như diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, việc triển khai thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên giao đầu năm để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiếp theo là thực hiện rà soát cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 8299/BTC-NSNN ngày 08/07/2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên kết quả chi ngân sách đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao.

PHẦN THỨ II

Dự kiến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai 03 năm (2021 - 2023)

I. Dự kiến tình hình kinh tế - xã hội 03 năm 2021 - 2023

Trong giai đoạn 3 năm 2021 - 2023, dự báo môi trường khu vực, thế giới phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định: xung đột địa - chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng và công nghệ có xu hướng gia tăng; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với sự dịch chuyển nguồn vốn, lao động sẽ dẫn tới những điều chỉnh mới về trật tự thế giới; việc kiểm soát dịch bệnh Covid...

Đối với nước ta, điểm thuận lợi vẫn là tình hình chính trị ổn định, môi trường kinh doanh được cải thiện, kiểm soát được dịch bệnh và việc mở ra những thời cơ mới từ việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do CPTPP, EVFTA..., dịch chuyển dòng vốn đầu tư nhằm phân tán rủi ro của một số công ty đa quốc gia...

Với việc đã sản xuất thành công Vaccin, việc phòng chống, hạn chế dịch thành công trên thế giới, dự kiến tình hình dịch bệnh Covid -19 sẽ được kiểm soát, tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ được cải thiện từ cuối năm 2021, khởi sắc các năm tiếp theo.

Đối với tỉnh Đồng Nai, với sự thuận lợi về mặt vị trí địa lý, tỉnh nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước, với các thành tựu đạt được trong các năm qua và kinh nghiệm lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế địa phương, nỗ lực của các ngành các cấp, doanh nghiệp và người dân tỉnh. Cùng với tình hình chung kinh tế cả nước, tin chắc rằng nền kinh tế tỉnh Đồng Nai sẽ vượt qua khó khăn, tận dụng được những thuận lợi, tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

II. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2023.

Triển khai, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh: "*Phát huy giá trị văn hóa; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; phát huy cao nhất các tiềm năng và lợi thế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo vệ môi trường để phát triển bền vững; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Đồng Nai phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội; là trung tâm công nghiệp và dịch vụ cảng hàng không, cảng nước sâu, cửa ngõ giao thương quốc tế; một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước vào năm 2025 và là một trong những tỉnh phát triển trong tốp đầu của cả nước vào năm 2030.*"

III. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2023:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ ngân sách đã được Quốc hội, HĐND tỉnh giao.

- Chủ động điều hành ngân sách đảm bảo cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

- Tiếp tục thực hiện các định hướng về tài chính và ngân sách theo Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020:

+ Bảo đảm 20% tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo;

+ Tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 25 - 26% tổng chi ngân sách nhà nước; giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 64% tổng chi ngân sách nhà nước.

+ Nợ công trong giới hạn, quy định của Luật Ngân sách.

- Thực hiện lập kế hoạch, dự toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2021 - 2025 định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 5% - 6% theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

- Phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh bình quân chung cả nước năm 2021 tăng khoảng 09-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020, các năm 2022 - 2023 tăng khoảng 10-11%/năm; tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 04 - 06%/năm trong giai đoạn 2021 - 2023 theo hướng dẫn tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/07/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023.

(Giả định năm 2022 và năm 2023 tỷ lệ điều tiết, các nguyên tắc, quy định về phân bổ ngân sách, phân cấp nhiệm vụ chi - thu không thay đổi so với chu kỳ ngân sách 2017-2020)

2. Kế hoạch thu ngân sách nhà nước:

2.1 Thu nội địa:

- Với kết quả thực hiện thu nội địa năm 2020 và cả giai đoạn 2017 - 2020 đầy khăn, qua rà soát bộ thuế, tình hình diễn biến, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khả năng thu ngân sách trên địa bàn, UBND tỉnh đã chủ động làm việc với Bộ Tài chính về thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả làm việc, dự toán thu ngân sách năm 2021, Trung ương đã có xem xét, điều chỉnh giao dự toán thu nội địa cho tỉnh, phù hợp với khả năng thực hiện, thu nội địa là

33.934.700 triệu đồng, bằng 95% so với dự toán năm 2020 và bằng 85% so với ước thực hiện 2020. Trong đó:

+ Thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu XSKT): 30.314.700 triệu đồng, bằng 93% so với dự toán năm 2020 và bằng 93% so với ước thực hiện năm 2020.

+ Thu xổ số kiến thiết: 1.620.000 triệu đồng, bằng 105% so với dự toán năm 2020 và bằng 98% so với ước thực hiện năm 2020.

+ Thu tiền sử dụng đất: 2.000.000 triệu đồng, bằng 133% so với dự toán năm 2020 và bằng 34% so với ước thực hiện năm 2020.

- Với kết quả thực hiện năm 2019, năm 2020, số Trung ương giao năm 2021, qua rà soát khả năng thực hiện giai đoạn 2022 - 2023, UBND tỉnh dự kiến thu nội địa ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2023 đạt 88.640.059 triệu đồng (năm 2022 là 42.469.317 triệu đồng, năm 2023 là 46.170.742 triệu đồng). Cụ thể:

+ Về thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu XSKT): Với kết quả thực hiện năm 2020 (đạt 93% dự toán), số giao của Trung ương năm 2021, với tình hình kinh tế - xã hội thuận lợi và còn nhiều khó khăn, khó lường như trên, UBND tỉnh dự kiến theo hướng tích cực tốc độ tăng thu nội địa (không bao gồm tiền sử dụng đất và số xố kiến thiết) 02 năm 2022 và 2023 khoảng 11%/năm (đảm bảo tốc độ tăng trưởng từ 10%-11%/năm) và đạt 33.649.317 triệu đồng năm 2022, đạt 37.350.742 triệu đồng năm 2023.

+ Về thu xổ số kiến thiết: Với việc phải chia sẻ thị trường với xổ số điện toán (Vietlot) và sự cạnh tranh dữ dội giữa các công ty xổ số truyền thống hiện tại, thị trường xổ số đã tới điểm bảo hòa, doanh số bán đã đạt rất cao trung bình khoảng 95% tổng số vé phát hành, khó mở rộng phát triển nguồn thu thêm. Theo đó, dự ước thu xổ số kiến thiết năm 2022 và năm 2023 bằng với dự toán năm 2021 là 1.620.000 triệu đồng.

+ Về thu tiền sử dụng đất: Dự kiến thu tiền sử dụng đất năm 2022 và năm 2023 bằng với dự toán năm 2021 và đạt 7.200.000 triệu đồng/năm, bao gồm: Thu tiền sử dụng đất trong dân 2.000.000 triệu đồng, thu từ dự án lớn là 5.200.000 triệu đồng.

2.2 Về thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu:

Với dự báo tình hình kinh tế - xã hội phát triển như trên, đặc biệt là diễn biến của đại dịch Covid-19 kéo dài và lan rộng hầu hết các quốc gia trên thế giới; hầu hết các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU,… đều thực hiện các biện pháp giãn cách, cách ly, phong tỏa dẫn tới các nhà máy có giao thương với doanh nghiệp tại Việt Nam đều ngừng hoạt động và đóng cửa dẫn đến các hoạt động liên quan tới các cơ quan, tổ chức ở nước ngoài đều tạm ngưng và đình trệ. Do đó kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn có nguồn hàng hóa xuất nhập khẩu với các quốc gia và vùng lãnh thổ này đều giảm mạnh. Với kết quả thực hiện năm 2020, số Trung ương giao năm

2021 đã tính đến các tác động trên, dự kiến tốc độ tăng thu và số thu XNK năm 2022 và năm 2023 theo hướng tích cực, đảm bảo quy định của trung ương (tăng tối thiểu 4-6%/năm) là trung bình 4%/năm và đạt 13.780.000 triệu đồng năm 2022, đạt 14.331.200 triệu đồng năm 2023.

3. Bội chi ngân sách giai đoạn 2021 - 2023

Dự kiến trong giai đoạn 2021 - 2023, UBND tỉnh thực hiện hợp đồng vay lại với Bộ Tài chính nguồn vốn tại khoản vay số VN17-P1 của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa với tổng nhu cầu vay lại là 29.410 triệu đồng, cụ thể: Năm 2021 là 5.400 triệu đồng, năm 2022 là 16.020 triệu đồng, năm 2023 là 7.990 triệu đồng.

4. Kế hoạch chi cân đối ngân sách địa phương

Trong giai đoạn 2017 - 2020, đầu tư phát triển (không bao gồm từ nguồn vay nợ, bội chi) chiếm khoảng 34% tổng chi ngân sách địa phương, khoảng 64% tổng chi ngân sách địa phương dùng cho chi thường xuyên (gồm chi thường xuyên và chi tạo nguồn cải cách tiền lương).

Thực hiện Nghị quyết số 25/2016/QH14: Tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 25-26% tổng chi ngân sách nhà nước; giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 64% tổng chi ngân sách nhà nước.

Năm 2021, với nguồn tiền sử dụng đất vượt thu 2019 chuyển sang 2.200.000 triệu đồng, qua rà soát nhu cầu chi, cân đối nguồn lực ngân sách địa phương, UBND tỉnh dự kiến kế hoạch chi cân đối ngân sách là 23.545.251 triệu đồng. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 9.071.600 triệu đồng chiếm 38,5% tổng chi, chi thường xuyên là 13.865.491 triệu đồng chiếm 59,5% tổng chi, chi tạo nguồn cách tiền lương là 149.051 triệu đồng chiếm 0,06% tổng chi, chi dự phòng ngân sách là 450.000 triệu đồng chiếm 2% tổng chi, chi lập quỹ dự trữ tài chính là 2.910 triệu đồng chiếm 0,01 % tổng chi.[1]

Với kết quả thực hiện chi cân đối ngân sách năm 2020 và dự kiến năm 2021 như trên, dự kiến số thu ngân sách tại điểm 2 Mục III trên, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025 [3], kế hoạch bội chi 03 năm 2021 - 2023, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2022 và năm 2023 như sau:

- Năm 2022: Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 28.372.035 triệu đồng, bằng 113% so với năm 2021, trong đó:

---

[1] Tờ trình số 14542/TTr-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2020; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2021.

[3] Tờ trình số 14251/TTr-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về nội dung xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Chi đầu tư phát triển là 12.260.972 triệu đồng (số kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm), bằng 135% so với năm 2021, chiếm 46% tổng chi cân đối.

+ Chi thường xuyên là 13.911.970 triệu đồng, bằng 100,3 % so với năm 2021, chiếm 52% tổng chi cân đối.

+ Chi dự phòng ngân sách 450.000 triệu đồng, bằng với dự toán năm 2021, chiếm 2% tổng chi cân đối

+ Chi lập quỹ dự trữ tài chính là 2.910 triệu đồng, bằng với dự toán năm 2021

- Năm 2023: Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 28.372.035 triệu đồng bằng 107% so với năm 2022, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển là 12.467.430 triệu đồng (số kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm), bằng 102% so với năm 2022, chiếm 44% tổng chi cân đối.

+ Chi thường xuyên là 14.461.885 triệu đồng, bằng 104 % so với năm 2022, chiếm 51% tổng chi cân đối

+ Chi dự phòng ngân sách là 567.441 triệu đồng, bằng với dự toán năm 2021, bằng 126% so với năm 2022, chiếm 2% tổng chi cân đối

+ Chi tạo nguồn cải cách tiền lương là 872.274 triệu đồng (50% tăng thêm dự toán thu NSĐP được hưởng theo phân cấp năm 2023 so với năm 2022)

+ Chi lập quỹ dự trữ tài chính là 2.910 triệu đồng, bằng với dự toán năm 2021

5. Nguyên tắc phân bổ ngân sách

5.1 Chi đầu tư phát triển:

+ Đối với nguồn vốn ngân sách tập trung: Đối với ngân sách cấp huyện thực hiện việc phân bổ theo tiêu chí, định mức; Đối với ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí hoàn trã vốn, lãi vay, tạm ứng, bố trí thực hiện các chương trình dự án do thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh, hỗ trợ các cấp huyện xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

+ Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất: Phân bổ 60% số thu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện đầu tư phát triển, phân bổ 30% số thu để bổ sung Quỹ Phát triển đất, phân bổ 10% số thu để bổ sung Quỹ Phát triển nhà ở xã hội.

+ Đối với nguồn vốn xổ số kiến thiết: Phân bổ hỗ trợ phần hụt khi phân bổ nguồn vốn ngân sách tập trung cho UBND cấp huyện và các địa phương xây dựng nông thôn mới; phân bổ số kinh phí còn lại để thực hiện các dự án thuộc nghành y tế, văn hóa xã hội, giáo dục - đào tạo thuộc nhiệm vụ chi cấp tỉnh.

+ Đối với nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và nguồn trái phiếu Chính phủ: Thực hiện phân bổ đúng theo hướng dẫn và kế hoạch giao hàng năm từ ngân sách trung ương.

5.2 Chi thường xuyên:

+ Đối với các đơn vị cấp tỉnh: Phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020.

+ Đối với ngân sách các cấp huyện: Đối với TP.Biên Hòa phân bổ theo số thu hưởng theo phân cấp và phần bổ sung có mục tiêu do phát sinh các chính sách chế độ mới, nhiệm vụ chi quan trọng, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương do UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt vượt khả năng ngân sách thành phố; đối với các huyện, thị xã Long Khánh thực hiện phân bổ theo số dự toán năm thực hiện và bổ sung ngân sách năm dự toán theo nguyên tắc sau:

+ Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, quyết định số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

+ Khi có phát sinh chính sách mới do cấp thẩm quyền ban hành, ngân sách cấp tỉnh sẽ bổ sung cân đối cho ngân sách các địa phương không tự cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tự cân đối ngân sách theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương; nếu có chính sách hết hiệu lực, ngân sách cấp tỉnh giảm trừ bổ sung cân đối ngân sách các địa phương không tự cân đối và giảm trừ số bổ sung mục tiêu đối với địa phương tự cân đối ngân sách.

+ Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách địa phương theo khả năng ngân sách cấp tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương để hỗ trợ ngân sách cấp huyện trong các trường hợp sau: Bổ sung kinh phí các chính sách chưa có trong định mức tại Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND; thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp tỉnh, phần giao cho cấp huyện, cấp xã thực hiện; hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương do UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt.

+ Trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ ngân sách cấp huyện heo khả năng của ngân sách cấp tỉnh.

Hằng năm, căn cứ số giao của Quốc hội, các nguyên tắc phân bổ vốn thường xuyên, vốn đầu tư như trên, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh, ngân sách các cấp huyện phù hợp, theo quy định.

IV. Các giải pháp thực hiện:

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để

kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, các thành phần kinh tế ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế, phí và lệ phí; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế, tạo môi trường thuận lợi, thu hút cho tổ chức, cá nhân nộp thuế, rà soát kỹ, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh hạch toán, nộp thuế vào ngân sách tỉnh.

- Đẩy mạnh, tạo chuyển biến rõ nét trong việc chống thất thu, xử lý và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời kịp thời đánh giá những tác động đến số thu ngân sách do thực hiện các Luật thuế, Luật phí, lệ phí để kịp thời điều chỉnh đảm bảo cân đối ngân sách.

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả

- Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng sở, cơ quan cấp tỉnh và địa phương; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định. Tiếp tục cải cách hành chính và mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Thực hiện nghiêm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đẩy nhanh việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công; trên cơ sở đó, thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong từng lĩnh vực, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn để tăng chi hỗ trợ các đối tượng chính sách.

- Rà soát, tập trung các nguồn lực ngân sách của địa phương ngay từ đầu năm để cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách, trường hợp cần thiết phải ban hành yêu cầu phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi,

trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ số thực thu nguồn này vào ngân sách thì mới bố trí vốn cho dự án, tránh tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và mất cân đối ngân sách.

Trên đây là Báo cáo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai 03 năm 2021 - 2023 được xây dựng trên nền tảng kết quả thực hiện năm 2020 và các năm trước đó, với giả định tình hình kinh tế phát triển, không có chính sách, chế độ mới làm thu - chi ngân sách không biến động lớn, tỷ lệ điều tiết ngân sách năm 2022 và năm 2023 không thay đổi so với giai đoạn ngân sách 2017 - 2021. UBND tỉnh xây dựng, báo cáo HĐND tỉnh để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm. Căn cứ nhiệm vụ ngân sách do trung ương giao, tình hình thực tế tại địa phương, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hằng năm UBND tỉnh sẽ xây dựng dự toán trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 08- NĐ 31/2017/NĐ-CP

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thựchiện năm 2020	Dự toán ngân sách năm 2021	So sánh	Dự kiến ngân sách năm 2022	Dự kiến ngân sách năm 2023
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**54.203.705**	**47.184.700**	**87%**	**51.181.817**	**55.578.867**
I	**Thu nội địa**	**40.103.705**	**33.934.700**	**85%**	**37.269.317**	**40.970.742**
	(Thu nội địa không bao gồm tiền SXĐ, SXKT)	*32.604.834*	*30.314.700*	*0*	*33.649.317*	*37.350.742*
	Tốc độ tăng thu (%)		-15%		10%	10%
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)	74%	72%	97%	73%	74%
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý	2.292.000	2.050.000	89%	2.275.500	2.525.805
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	1.965.000	2.050.000	104%	2.275.500	2.525.805
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	12.150.240	10.800.000	89%	11.988.000	13.306.680
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.176.708	4.950.000	96%	5.494.500	6.098.895
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.805.000	5.400.000	93%	5.994.000	6.653.340
6	Thuế bảo vệ môi trường	911.080	825.000	91%	915.750	1.016.483
7	Lệ phí trước bạ	1.372.066	1.300.000	95%	1.443.000	1.601.730
8	Thu tiền sử dụng đất	5.848.871	2.000.000	34%	2.000.000	2.000.000
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.650.000	1.620.000	98%	1.620.000	1.620.000
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN	416.392	350.000	84%	388.500	431.235
11	Các khoản thu khác	2.516.348	2.589.700	103%	2.874.567	3.190.769
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**	**14.100.000**	**13.250.000**	**94%**	**13.912.500**	**14.608.125**
	Tốc độ tăng thu (%)		-6%		5%	5%
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)	26%	28%		27%	26%

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 07 - NĐ 31/2017/NĐ-CP

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2021 - 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	NĂM 2020		So sánh	DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		Dự toán	Ước thực hiện		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**29.106.050**	**34.329.435**	**118%**	**28.703.834**	**23.241.211**	**24.985.760**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**20.403.504**	**24.542.902**	**120%**	**19.482.600**	**21.427.486**	**23.172.035**
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**7.064.767**	**6.903.667**	**98%**	**5.614.606**	**1.813.725**	**1.813.725**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách						
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.064.767	6.903.667	98%	5.614.606	1.813.725	1.813.725
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**		63.000				
IV	**Thu kết dư**		927.418				
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		413.669				
VI	**Thu từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương**	1.137.779	1.137.779		1.406.628		
VII	**Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất các dự án trong điểm**	500.000	341.000		2.200.000	5.200.000	5.200.000
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**29.106.050**	27.479.562	**99%**	**28.709.234**	**28.441.211**	**24.985.760**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**	**22.212.115**	20.746.727	**106%**	**23.545.251**	**26.627.486**	**28.372.035**
1	Chi đầu tư phát triển	7.471.652	7.039.069	121%	9.071.600	12.260.972	12.467.430
2	Chi thường xuyên	13.498.658	12.459.000	103%	13.865.491	13.911.970	14.461.885
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.500	10.353	177%	6.200	1.634	94
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	100%	2.910	2.910	2.910
5	Dự phòng ngân sách	450.000	450.000	100%	450.000	450.000	567.441
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	785.395	785.395	19%	149.051		872.274
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**6.893.935**	6.732.835	**75%**	**5.163.983**	**1.813.725**	**1.813.725**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.893.935	6.732.835	75%	5.163.983	**1.813.725**	**1.813.725**
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**						
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**				**5.400**	**16.019**	7.989

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
ĐỒNG NAI

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2021-2023

ĐVT: tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH 2020		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN 2021	SO SÁNH NĂM 2021 VỚI ƯỚC	DỰ KIẾN NĂM 2022	DỰ KIẾN NĂM 2023
		DỰ TOÁN	ƯỚC TH				
		1	2	3	4=3/2	5	6
A	**MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP**	**6.121**	**6.121**	**5.421**	**89%**	**5.688**	**6.172**
B	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**		-			**16**	**8**
C	**KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC**						
I	**Tổng dư nợ đầu năm**	**184,91**	**184,91**	**76,37**	**41%**	**44,72**	**21,64**
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	3,02%	3,02%	1,41%	46,64%	0,79%	0,35%
1	Tạm ứng Kiên cố hóa kênh mương (Ngân hàng Phát triển Việt Nam)	20,00	20,00	-	0%	-	-
2	Vay trái phiếu Hồ cầu mới	0,24	0,24	0,23	97%	0,23	0,22
3	Vay Ngân hàng TMCP	164,67	164,67	76,14	46%	39,09	0,00
4	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		-	-		5,40	21,42
II	**Trả nợ gốc vay trong năm**	**108,54**	**108,54**	**37,05**	**34%**	**39,10**	**0,01**
1	**Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay**	**108,54**	**108,54**	**37,05**	**34%**	**39,10**	**0,01**
-	Tạm ứng Kiên cố hóa kênh mương (Ngân hàng Phát triển Việt Nam)	20,00	20,00	-			
-	Vay trái phiếu Hồ cầu mới	0,01	0,01	0,01		0,01	0,01
-	Vay Ngân hàng TMCP	88,53	88,53	37,04	42%	39,09	
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	-	-	-			
2	**Nguồn trả nợ**	**108,54**	**108,54**	**37,05**	**34%**	**39,10**	**0,01**
-	Từ nguồn vay						
-	Bội thu ngân sách địa phương						
-	Tăng thu, tiết kiệm chi						
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	108,54	108,54	37,05	34%	39,10	0,01
III	**Tổng mức vay trong năm**	**-**	**-**	**5,40**	**-**	**16,02**	**7,99**
1	Theo mục đích vay	-	-	5,40		16,02	7,99
-	Vay bù đắp bội chi	-	-	5,40	-	16,02	7,99
-	Vay trả nợ gốc						
2	Theo nguồn vay	-	-	5,40		16,02	7,99